

Bản án số: **107/2020/DS-ST**
Ngày: 25 - 9 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung
2. Ông Nguyễn Lập Tiến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim– Thư ký Tòa án Tp. Buôn Ma Thuột

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn, chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 25-9-2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/DSST ngày 25 tháng 02 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2020/QĐXX-DS ngày 03/8/2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà H P , sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Y H , sinh năm 1979 - Vắng mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

-Bà H R

Cùng cư trú: Buôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk- Vắng mặt.

-Ông Y Y(Đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà H P trình bày:

Bà có quan hệ quen hàng xóm với ông Y H , do có nhu cầu vay tiền để đáo hạn ngân hàng nên bà đã cho ông Y H vay tiền cụ thể như sau: Ngày 22/6/2018 vay số tiền 30.000.000đồng; ngày 05/7/2018 vay 430.000.000đồng. Tổng cộng 460.000.000đồng và hẹn 01 tháng sau trả, không thể chấp tài sản gì. Trong giấy vay không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận lãi suất bằng miệng theo lãi suất ngân hàng và ông Y H đã trả cho chị được số tiền lãi 1.800.000đồng nhưng sau đó không

trả lãi suất nữa, khi vay chỉ có một mình ông Y H vay tiền nên bà chỉ yêu cầu một mình ông Y H trả tiền về lãi suất không yêu cầu.

2. *Tại bản tự khai ngày 03/9/2020 ông Y Y trình bày:*

Ông là chồng của bà H'P, năm 2018 ông có biết bà H'P cho ông ông Y H vay tiền nhưng số tiền bao nhiêu thì ông không biết. Đối với số tiền này là tài sản chung trong thời kì hôn nhân, tuy nhiên đây là việc làm ăn riêng của vợ nên ông không yêu cầu ông Y H phải trả tiền cho ông. Do không có yêu cầu gì nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt ông.

3. Đối với ông Y H và bà Bà H R Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không lên Tòa án tham gia tố tụng và qua xác minh tại địa phương cho biết hiện nay ông Y H có hộ khẩu tại địa phương nhưng đã bỏ đi đâu là năm từ tháng 9 năm 2018 đến nay và bà Bà H R có hộ khẩu thường trú và hiện nay đang cư trú tại địa phương.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký, đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 460.000.000đồng cho nguyên đơn; Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn ông Y H . Nơi cư trú: B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải trả tiền vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã ra thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú và tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông Y H và bà H R nhưng ông, bà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Ông Y Y và bà H P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung khởi kiện:

- Về số tiền vay gốc: Quá trình giải quyết vụ án ông Y H vắng mặt nên Tòa án đã thu thập mẫu chữ ký và chữ viết và đưa đi giám định, Theo kết luận giám định số 84/PC09 ngày 10/7/2020 của phòng kỹ thuật công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Y H trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Y H trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết và ký ra. Cùng với việc khởi kiện của mình bà H P đã xuất trình chứng cứ

là 03 giấy mượn tiền bản gốc. Xét thấy việc bà H P cho ông Y H vay tiền là có thật đến hạn trả nợ, ngày 05/8/2018(đối với giấy vay ngày 05/7/2018) và ngày 22/7/2018 (đối với giấy vay ngày 22/6/2018) ông Y H mới trả được số tiền lãi suất 1.800.000đồng tiền lãi suất còn tiền vay gốc vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên bà H P khởi kiện buộc ông Y H phải trả số tiền gốc là 460.000.000đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với ý kiến của ông Y Y là chồng của bà H P cho rằng số tiền bà H P cho ông Y H vay là trong thời kì hôn nhân nhưng ông không yêu cầu ông Y Y phải trả nên Tòa án không xem xét.

-Về lãi suất: Bà H P không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí và chi phí tố tụng đã nộp.

Bị đơn ông Y H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 460.000.000đồng như sau: 20.000.000đồng +4% x 60.000.000đồng =22.400.000đồng và 5.040.000đồng tiền giám định chữ ký và chữ viết và 3.025.000đồng chi phí đăng báo, đài.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; ; Điều 149;Điều 161;Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H P

1. Buộc ông YH phải trả cho bà H P số tiền 460.000.000đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Ông YH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.400.000đồng và 5.040.000đồng tiền giám định chữ ký và chữ viết và 3.025.000đồng tiền đăng báo, đài.

Trả lại cho bà H P số tiền 11.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0005887 ngày 24/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và 5.040.000đồng tiền giám định chữ ký và chữ viết và 3.025.000đồng tiền đăng báo, đài sau khi thu được từ ông Y H.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Mai

